TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1774/**2019/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 28 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 40, 42 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59; 81; 82; 83; 84 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2313/2019/TLST-VHNGĐ ngày 17 tháng 10 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

1. Ông Nguyễn Hải V, sinh năm 1972.

2. Bà Trần Thị Ngọc S, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: 2166/7/5, tổ 19, ấp A, phường Hóa A, thành phố B, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông V xây dựng gia đình với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã G, huyện Thống N, tỉnh Đ. Hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chung sống với nhau cả hai có cuộc sống hạnh phúc, nhưng sau đó hai vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xung đột, không còn tôn trọng lẫn nhau. Nay cả bà S và ông V đều xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 03 con chung là các cháu:

+ Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 30/10/1999.

+Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 05/9/2007.

+ Trần Gia H, sinh ngày 05/10/2010.

Sau ly hôn, cả hai Thống N thỏa thuận giao cháu H và cháu H cho bà S trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Tạm thời không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Hđã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, bà S và ông V được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Ông Nguyễn Hải V và bà Trần Thị Ngọc S phải nộp 300.000đ lệ phí VHNGĐ, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp tại biên lai số 0000847 ngày 17/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hải V và bà Trần Thị Ngọc S thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Có 03 con chung là các cháu:

+ Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 30/10/1999.

+Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 05/9/2007.

+ Trần Gia H, sinh ngày 05/10/2010.

Sau ly hôn, cả hai Thống N thỏa thuận giao cháu H và cháu H cho bà S trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Tạm thời không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Hạ đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần

thiết, bà S và ông V được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Ông Nguyễn Hải V và bà Trần Thị Ngọc S phải nộp 300.000đ lệ phí VHNGĐ, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp tại biên lai số 0000847 ngày 17/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố B;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đồng Thị Hồng